

Bản án số: 03/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 16 - 01 - 2023.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Phương Đông.

Ông Trà Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2022/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị Kim T, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thành T, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 02/8/2022 nguyên đơn bà Lý Thị Kim T trình bày: Bà T và ông Phạm Thành T tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 74, ngày 17/12/2010. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 3/2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Sau khi sống ly thân thì bà T và ông T có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà T và ông T có 01 người con chung là Phạm Thành T1, sinh ngày 30/6/2011 sống chung với bà T. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà Lý Thị Kim T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Thành T; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thành T1 đến khi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Phạm Thành T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không T hành hòa giải được. Bị đơn ông Phạm Thành T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Lý Thị Kim T và ông Phạm Thành T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lý Thị Kim T; giao cháu Phạm Thành T1 cho bà Lý Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Thành T không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Văn Tiến đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Lý Thị Kim T và ông Phạm Thành T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 74, ngày 17/12/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, bà T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T xác định nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và sau khi sống ly thân thì bà T và ông T có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng bà T và ông T đoàn tụ với nhau nhưng ông T vẫn vắng mặt và bà T vẫn kiên quyết ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà Lý Thị Kim T và ông

Phạm Thành T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà T xin ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lý Thị Kim T được ly hôn với ông Phạm Thành T.

[4] Về con chung: Bà Lý Thị Kim T xác định trong thời gian chung sống, bà T và ông Phạm Thành T có 01 người con chung là Phạm Thành T1, sinh ngày 30/6/2011; bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Xét thấy, từ khi bà T và ông T sống ly thân cho đến nay cháu T1 do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án khi ghi nhận ý kiến thì cháu T1 có nguyện vọng sống chung với bà T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T1, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Phạm Thành T mà không ai được cản trở.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Lý Thị Kim T không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị Kim T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông Phạm Thành T không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Lý Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Thành T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91, Điều 92 và Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Kim T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Kim T được ly hôn với ông Phạm Thành T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thành T1, sinh ngày 30/6/2011 cho bà Lý Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Phạm Thành T

không cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Phạm Thành T mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị Kim T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông Phạm Thành T không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005919 ngày 24/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Lý Thị Kim T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Thành T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- UBND xã Tân Hội;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Cẩm Nhung